

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HS-ST

Ngày: 26-7-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh; bà Chu Thị Hồng Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2019/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST-HS ngày 12/7/2019, đối với các bị cáo:

1. Mai Xuân T; giới tính: Nam; sinh ngày 31 tháng 01 năm 1994, tại: Thái Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Mai Ngọc C, sinh năm 1971 và bà Mai Thị H, sinh năm 1973; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; chưa có vợ, con. Tiền án: Bản án số 90/2015/HSST ngày 21/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Mai Xuân T 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2014, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/02/2018; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/3/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Văn H; giới tính: Nam; sinh ngày 09 tháng 01 năm 1988 tại: Thái Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn A, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; gia đình bị cáo có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3; có vợ là Lại Thị P, sinh năm 1989, có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền

sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Trú tại: Đường L, tổ 18, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Hữu C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Ông Mai Ngọc C sinh năm 1971 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 13/3/2019, bị cáo Mai Xuân T và bị cáo Vũ Văn H rủ nhau lên thành phố T, khi đi qua nhà anh Nguyễn Duy H thì các bị cáo quan sát thấy khu vực sân phía trước nhà anh H có treo nhiều lồng chim, bên trong các lồng có nuôi chim cảnh các loại. Cả hai nảy sinh ý định trộm cắp số chim cảnh trên để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 14/3/2019, bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 17B2 - 450.64 mang theo 01 chiếc kìm cắt kim loại, dài khoảng 20 cm. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/3/2019, bị cáo T và bị cáo H đi đến khu vực trước cửa nhà anh H, quan sát thấy trong nhà đóng cửa, tắt điện, bị cáo T dựng xe máy đứng cạnh giới còn bị cáo H nhặt ở vỉa hè 01 đoạn gậy bằng tre, dài khoảng 4 mét, rồi quay lại trèo lên tường nhà anh H, bị cáo T đưa cho bị cáo H 01 chiếc kìm để cắt dây thép gai hàn trên tường nhà anh H. Sau khi cắt dây thép, bị cáo H ngồi trên bờ tường, dùng chiếc gậy tre lần lượt khều các lồng chim nhấc ra ngoài đưa cho bị cáo T. Bị cáo H đã chuyển ra cho bị cáo T 08 chiếc lồng chim bằng tre, bên trong có 08 con chim cảnh các loại, gồm: 03 con chim chích chòe than, màu lông đen trắng; 02 con chim họa mi, lông màu nâu; 03 con chim sơn ca, lông màu nâu. Trong lúc bị cáo H khều chiếc lồng chim thì con chim quốc bị sổ lồng bay mất. Sau đó bị cáo H buộc 8 lồng chim lấy được vào hai đầu gậy tre, bị cáo T điều khiển xe máy chờ bị cáo H ngồi sau gánh các lồng chim về nhà bị cáo T cất giấu. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, bị cáo H đến nhà bị cáo T mang 03 lồng chim bên trong gồm: 01 con chim chích chòe và 02 con chim sơn ca về nhà bị cáo H. Khoảng 15 giờ ngày 16/3/2019, bị cáo T bán cho anh Hoàng Hữu C 01 con chim

họa mi cùng lồng chim lấy 600.000 đồng. Số tiền này bị cáo T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 10/BBĐG-HĐĐG ngày 18/3/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, định giá 09 con chim cảnh và 08 lồng chim trị giá 10.600.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số 116/CT-VKSNDTP ngày 29/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố các bị cáo Mai Xuân T và Vũ Văn H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về hình phạt: + Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm h khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 50; điều 58; điều 38 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Mai Xuân T mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2019.

- + Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b,i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 50; điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn H mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Mai Xuân T đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất; bị cáo Vũ Văn H xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo là chứng cứ để kết tội lẫn nhau và được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là anh Nguyễn Duy H (bút lục số 110 đến 133); biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản (bút lục số 71, 72, 72A); bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Hữu C, bà Nguyễn Thị Đ và ông Mai Ngọc C (bút lục số 97 đến 109); biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh tài sản trộm cắp (bút lục số 54 đến 58); biên bản xác định địa điểm phạm tội (bút lục số 78, 79); biên bản quản lý và biên bản trả lại tài sản (bút lục số 139, 144). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/3/2019, tại nhà của anh Nguyễn Duy H, các bị cáo Mai Xuân T và Vũ Văn H đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm 08 chiếc lồng chim bằng tre và 09 con chim cảnh các loại của anh Nguyễn Duy H. Tổng trị giá tài sản các bị cáo đã trộm cắp là 10.600.000 đồng. Vì vậy, bị cáo Mai Xuân T và bị cáo Vũ Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 173 Bộ luật Hình sự: Tội “Trộm cắp tài sản” quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho các chủ tài sản trong việc bảo quản tài sản của mình. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án để cá thể hoá hình phạt với các bị cáo như sau: Bị cáo T chuẩn bị phương tiện (xe máy), công cụ (kìm cắt kim loại), cảnh giới cho bị cáo H trực tiếp trộm cắp tài sản nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo H trực tiếp trộm cắp tài sản nên bị

cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 10.600.000 đồng. Với việc đánh giá vai trò của các bị cáo như trên, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Mai Xuân T có 01 tiền án về tội: “Cướp giật tài sản” và tội” “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Vũ Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo nêu trên, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo Mai Xuân T, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo. Bị cáo Vũ Văn H có nơi cư trú rõ ràng, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo Vũ Văn H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên tòa. Do các bị cáo có việc làm và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 20/4/2019, ông Mai Ngọc C (là bố đẻ bị cáo T) đã bồi thường cho anh Hoàng Hữu C số tiền 600.000 đồng mà anh C đã mua chim cảnh do các bị cáo trộm cắp được. Ngày 02/5/2019, bị cáo Vũ Văn H và ông Mai Ngọc C đã bồi thường cho anh Nguyễn Duy H số tiền 1.000.000 đồng trị giá con chim quốc bị bay mất. Anh C và anh H đã nhận đủ tiền, không có đề nghị gì khác nên không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[6] Về vật chứng vụ án:

[6.1] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 17B2 - 450.64 qua điều tra xác định thuộc sở hữu hợp pháp của ông Mai Ngọc C (bố đẻ bị cáo T). Ngày 14/3/2019, bị cáo T đã mượn chiếc xe máy trên của ông C để đi, ông C không biết việc bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Vì vậy, ngày 10/5/2019, Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả

chiếc xe trên ông C. Xét thấy cơ quan điều tra đã trả lại ông C chiếc xe này là phù hợp, cần chấp nhận, ông C đã nhận lại xe trong tình trạng còn nguyên vẹn, không có đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

[6.2] Đối với 01 chiếc kim bằng kim loại, cán kim được bọc bằng nhựa màu đỏ đen (đã qua sử dụng) là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với anh Hoàng Hữu C là người đã mua 01 con chim họa mi và lồng chim của Mai Xuân T với giá 600.000 đồng. Khi mua anh C không biết đây là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có. Vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với anh Hoàng Hữu C là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm h khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 50; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo T). Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 50; điều 58; điều 65 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo H).

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Xuân T và bị cáo Vũ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Mai Xuân T **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2019.

2.2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H **01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/7/2019.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kim bằng kim loại, cán kim được bọc bằng nhựa màu đỏ đen (đã qua sử dụng).

(Vật chứng nêu trên cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 29/5/2019).

4. Về án phí: Áp dụng điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Mai Xuân T và bị cáo Vũ Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/7/2019. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- CQĐT CATP.T;
- CQTHAHS CATP.T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái